

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 12 - 2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Liên, ông Lê Thanh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 232/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/11/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* N, sinh năm 1998; Nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nơi tạm trú: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn:* L, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn N, bị đơn L trình bày: trình bày:

- *Quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2018, có đăng ký tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Từ đầu năm 2023, bà N bỏ về phía bà (thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên) sinh sống. Từ đó, hai bên tự bỏ mặc nhau, không ai còn quan tâm đến ai.

Nay, nhận thấy tình cảm đã hết, bà N xin được ly hôn ông L. Ông L nhận thấy còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn, xin được đoàn tụ để cùng nuôi các con.

- *Về con chung:* Các bên thống nhất khai có 02 con tên Y, sinh ngày 03/6/2018; K, sinh ngày 11/12/2020. Các con hiện đang do bà N nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng các con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông L đề nghị vấn đề con chung do bà N quyết định, ông không muốn chia rẽ các con.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bà N, ông L không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà N, ông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 07/02/2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, hai bên có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đã tự xa nhau từ đầu năm 2023 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Ban nhân dân thôn L, xã H xác nhận bà N, ông L có mâu thuẫn, không còn chung sống là sự thật.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà N, ông L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

3] Về con chung:

Có 02 con tên Y, sinh ngày 03/6/2018; K, sinh ngày 11/12/2020. Xét thấy các con chung còn nhỏ, đang do bà N nuôi dưỡng nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ và cũng đã quen sống cùng bà N. Ông L thống nhất vấn đề con chung do bà N quyết định. Do đó, đề các cháu Y, K phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần chấp nhận yêu cầu của bà N: Giao bà N nuôi dưỡng con chung Y, K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N làm công nhân, có sức khỏe, đủ khả năng nuôi con và bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không buộc ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu án phí về yêu cầu xin ly hôn: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà N được ly hôn ông L.
2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Y, sinh ngày 03/6/2018; K, sinh ngày 11/12/2020 cho bà N nuôi dưỡng.

Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà N phải chịu: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0012015 ngày 26/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà N đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
 - VKSND H. Tây Hòa;
 - Cục THADS H. Tây Hòa;
 - UBND xã H, huyện T
- (GDKKH số 07, ngày 07/02/2018);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ, AV.

Lê Thanh Huệ